

Số: ~~177~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với
các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập
trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 40/HĐND-VHXXH ngày 15/3/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Báo cáo số 142/BC-STP ngày 10/6/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Sự cần thiết ban hành quy định

Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về khung học phí năm học 2022-2023, quy định:

“a) Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 – 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định”.

Tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “Ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao, căn cứ chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định khung học phí hoặc mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành bảo đảm mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành”.

Tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn. Đối với các loại hình giáo dục

thường xuyên khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức thu cụ thể phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn”.

Hiện nay, chưa có quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023. Vì vậy, để có cơ sở triển khai thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 cần thiết phải xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14/6/2019, quy định: “a) Chính phủ quy định cơ chế thu và quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập; b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”;

Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với:... dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí)”;

Thẩm quyền quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

a) Năm học 2021-2022, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên (trừ các cơ sở giáo dục chất lượng cao) thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Theo đó mức thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2021-2022, cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Mức thu học phí năm học 2021-2022		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	24.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	19.000

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành (gồm cả cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên). Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức thu học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).

b) Tổng số thu học phí

Năm học 2021-2022, do tiếp tục chịu tác động bởi dịch Covid-19 các cơ sở giáo dục mầm non công lập dự kiến thu học phí 02 tháng (tháng 4, 5 năm 2022); các cơ sở giáo dục Trung học cơ sở, Trung học phổ thông dự kiến thu học phí 9 tháng trong đó 7 tháng theo hình thức học trực tuyến, 02 tháng theo hình thức học trực tiếp, tổng số thu học phí dự kiến khoảng 720,550 tỷ đồng đạt tỷ lệ 60,13% so với dự toán thu (dự toán thu 9 tháng theo hình thức học trực tiếp).

c) Về thực hiện chính sách miễn, giảm học phí

- Đối tượng miễn học phí, tổng số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được miễn học phí là 5.780 học sinh: Trong đó đối tượng có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo (theo chuẩn nghèo của thành phố) được miễn học phí là 3.040 học sinh và đối tượng học sinh khuyết tật là 1.350 học sinh (chiếm tỷ lệ 76% trong tổng số đối tượng được miễn);

- Đối tượng giảm học phí, tổng số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được giảm học phí là 13.307 học sinh: Trong đó đối tượng có cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo (theo chuẩn cận nghèo của thành phố) là 12.859 học sinh, chiếm tỷ lệ 96,6% trong tổng số đối tượng được giảm học phí;

- Tổng kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí dự kiến khoảng 8,426 tỷ đồng.

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ

sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

Đến năm học 2021-2022, theo báo cáo của các cơ sở giáo dục cho thấy: Trên địa bàn thành phố Hà Nội chưa có cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

- Năm học 2021-2022, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 07 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), cụ thể:

(chi tiết theo phụ biểu số 01 kèm theo).

- Mức thu học phí năm học 2021-2022: Thực hiện thu bằng mức thu học phí của năm học 2020-2021.

(chi tiết theo phụ biểu số 02 kèm theo)

- Tổng số thu học phí của 07 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2021-2022 dự kiến thu được khoảng 129.242 triệu đồng.

3. Những khó khăn, tồn tại

- Năm học 2021-2022, do tác động bởi dịch Covid-19 học sinh cấp học mầm non tạm dừng đến trường từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022; tháng 4, tháng 5 năm 2022 học sinh đến trường học trực tiếp (thực hiện thu 2 tháng); cấp học Trung học cơ sở và Trung học phổ thông dự kiến thực hiện 7 tháng theo hình thức học trực tuyến, 2 tháng theo hình thức học trực tiếp dẫn đến tổng số thu từ học phí dự kiến đạt tỷ lệ 60,13 % so với dự toán thu;

- Về mức thu đối với vùng thành thị: Theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (Nghị định này hết hiệu lực từ ngày 15/10/2021), không quy định cụ thể về nội dung HĐND Thành phố quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí. Do đó, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn

phường và thị trấn đến năm học 2021-2022 thực hiện mức thu học phí theo quy định đối với khu vực thành thị. Trong khi trên thực tế chênh lệch về thu nhập bình quân và khả năng đóng góp của người dân giữa vùng thị trấn của các huyện với các xã trên địa bàn huyện không lớn. Do vậy việc áp dụng mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn của các huyện theo mức học phí đối với vùng thành thị là chưa phù hợp với khả năng đóng góp của người dân;

- Về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao): Năm học 2021-2022, Hội đồng nhân dân Thành phố chưa quy định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để các cơ sở giáo dục làm căn cứ triển khai thực hiện;

Từ thực trạng về tình hình triển khai thu học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, những khó khăn tồn tại nêu trên và các quy định cụ thể tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023.

III. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

3. Quy định theo vùng để áp dụng mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Quy định của Trung ương

Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về khung học phí năm học 2022-2023, quy định: “... *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí*”.

b) Thực tế trên địa bàn thành phố Hà Nội

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có địa điểm tại phường thuộc địa bàn các quận và thị xã Sơn Tây, thị trấn thuộc địa bàn các huyện, các xã vùng đồng bằng, trung du và các xã miền núi thuộc địa bàn các huyện;

- Về mức thu nhập bình quân/người:

+ Theo số liệu do Cục Thống kê thành phố Hà Nội cung cấp tại Công văn số 258/CTK-TKXH ngày 24/5/2022 về việc cung cấp thông tin mức thu nhập bình quân và chỉ số giá tiêu dùng cho thấy: Năm 2021 thu nhập bình quân đầu người/tháng khu vực thành thị là 6.002.000 đồng và khu vực nông thôn là 4.506.000 đồng.

+ Theo số liệu báo cáo thống kê của một số huyện cho thấy mức thu nhập bình quân người/năm của người dân trên địa bàn thị trấn không cao hơn mức thu nhập bình quân người/năm của người dân trên các xã trong huyện. Trong khi theo quy định của Chính phủ về khung học phí năm học 2022-2023 tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, chênh lệch về khung học phí giữa vùng thành thị và nông thôn từ 2,1 đến 3 lần.

- Về áp dụng mức thu vùng thành thị đối với Trường Trung học phổ thông công lập có địa điểm trên địa bàn thị trấn của các huyện, theo kết quả tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của các đơn vị cho thấy: Học sinh theo học tại các trường bao gồm cả học sinh cư trú trên địa bàn thị trấn và địa bàn các xã trong huyện, do vậy việc áp dụng mức thu học phí vùng thành thị đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị trấn của các huyện là chưa phù hợp;

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị và cá nhân về dự thảo Nghị quyết: Hầu hết các ý kiến (đặc biệt ý kiến của cha mẹ học sinh, đối tượng chịu tác động trực tiếp) cho rằng việc áp dụng mức thu học phí vùng thành thị đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn là chưa phù hợp với mức thu nhập và khả năng đóng góp của người dân.

Do vậy, để bảo đảm mức thu học phí phù hợp với mức thu nhập, khả năng đóng góp của người dân có con theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất phân loại thành 04 vùng để làm căn cứ cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng mức thu học phí từ năm học 2022-2023.

c) Đề xuất cụ thể

- Vùng 1: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thuộc các quận và các phường trên địa bàn thị xã Sơn Tây của thành phố Hà Nội (*thuộc vùng thành thị theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

- Vùng 2: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện của thành phố Hà Nội (*thuộc vùng nông thôn theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

- Vùng 3: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn các xã thuộc thị xã Sơn Tây và các xã thuộc huyện của thành phố Hà Nội (trừ các xã miền núi) (*thuộc vùng nông thôn theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

- Vùng 4: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn các xã miền núi thuộc các huyện của thành phố Hà Nội (*thuộc vùng miền núi theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*).

4. Quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Nguyên tắc xác định mức thu

- Mức thu học phí năm học 2022-2023 đạt bằng mức sàn (mức thấp nhất) trong khung quy định của Chính phủ tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Giữ nguyên mức thu học phí đối với cấp học đã có mức thu học phí năm học 2021-2022 cao hơn mức sàn quy định theo vùng.

b) Đề xuất cụ thể: (*chi tiết theo phụ biểu số 03 kèm theo*)

Việc quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập dùng làm căn cứ để thực hiện mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định (Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP học sinh tiểu học trường công lập thuộc đối tượng không phải đóng học phí).

Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

c) Đánh giá phương án đề xuất

- Mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức sàn trong khung quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (trừ cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn). Tuy nhiên tốc độ tăng mức thu học phí năm học 2022-2023 so với năm học 2021-2022 ở một số cấp học có mức tăng cao, cụ thể:

+ Đối tượng dự kiến có mức tăng thu học phí với số tiền tuyệt đối cao nhất là trẻ em mầm non 5 tuổi và học sinh trung học cơ sở theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn các phường với mức tăng 145.000 đồng/học sinh/tháng và tỷ lệ tăng là 93,55%. Tổng số đối tượng này trong năm học 2022-2023 khoảng 246.577 học sinh/1.085.327 học sinh **chiếm tỷ lệ 22,72% tổng số học sinh** (Cấp học mầm non khoảng 39.597 học sinh, cấp học trung học cơ sở khoảng 207.524 học sinh).

+ Đối tượng dự kiến có tỷ lệ về mức tăng học phí cao nhất là học sinh cấp trung học phổ thông theo học tại các cơ sở giáo dục giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn các xã miền núi, với tỷ lệ tăng 316,67% và mức tăng với số tiền tuyệt đối là 76.000 đồng/học sinh/tháng. Tổng số đối tượng này trong năm học 2022-2023 khoảng 3.694 học sinh/1.085.327 học sinh **chiếm tỷ lệ 0,34% tổng số học sinh**.

(chi tiết theo phụ biểu số 03 kèm theo).

- Tổng số thu học phí theo mức thu đề xuất năm học 2022-2023 dự kiến khoảng 1.742,390 tỷ đồng, tổng số kinh phí tăng thu dự kiến khoảng 523,300 tỷ đồng so với tổng thu 1.219,090 tỷ đồng (theo mức thu thực hiện năm học 2021-2022). Tiền thu học phí theo mức thu học phí dự kiến chiếm tỷ lệ bình quân khoảng 19% trong tổng số chi (từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu học phí). Do đó khi mức thu học phí năm học 2022-2023 đạt bằng mức sàn trong khung quy định của Chính phủ thì nguồn kinh phí chi thường xuyên cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập vẫn chủ yếu từ ngân sách nhà nước (ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ bình quân khoảng 81% tổng chi); việc tăng thu học phí năm học 2022-2023 sẽ làm giảm chi ngân sách khoảng 523,300 tỷ đồng (ngân sách cấp Thành phố khoảng 60,372 tỷ đồng; ngân sách cấp quận huyện khoảng 462,928 tỷ đồng), trong đó năm 2022 khoảng 232,578 tỷ đồng (ngân sách cấp thành phố khoảng 26,832 tỷ đồng; ngân sách cấp quận huyện khoảng 205,746 tỷ đồng), năm 2023 khoảng 290,722 tỷ đồng (ngân sách cấp thành phố là 33,540 tỷ đồng; ngân sách cấp quận huyện khoảng 257,182 tỷ đồng).

- Đảm bảo an sinh xã hội: Việc điều chỉnh tăng học phí không làm ảnh hưởng đến các đối tượng học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, mồ côi cả cha lẫn mẹ,

khuyết tật và các đối tượng được hưởng chế độ theo quy định do đã được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định, cụ thể:

+ Đối tượng miễn học phí: Tổng số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được miễn học phí dự kiến khoảng 5.859 học sinh: Trong đó đối tượng có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo (theo chuẩn nghèo của thành phố) được miễn học phí khoảng 3.096 học sinh và đối tượng học sinh khuyết tật khoảng 1.381 học sinh (chiếm tỷ lệ 76,4% trong tổng số đối tượng được miễn);

+ Đối tượng giảm học phí: Tổng số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được giảm học phí dự kiến khoảng 12.960 học sinh: Trong đó đối tượng có cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo (theo chuẩn cận nghèo của thành phố) khoảng 12.617 học sinh, chiếm tỷ lệ 97,4% trong tổng số đối tượng được giảm học phí;

+ Tổng số kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí theo mức thu học phí đề xuất nêu trên dự kiến khoảng 17,543 tỷ đồng; theo đó kinh phí thực hiện chế độ miễn giảm học phí năm học 2022-2023 do tăng mức thu học phí sẽ làm tăng chi ngân sách khoảng 5,435 tỷ đồng (cấp thành phố khoảng 2,325 tỷ đồng; cấp quận huyện khoảng 3,110 tỷ đồng), trong đó năm 2022 khoảng 2,416 tỷ đồng (cấp thành phố khoảng 1,033 tỷ đồng; cấp quận huyện khoảng 1,383 tỷ đồng), năm 2023 khoảng 3,019 tỷ đồng (cấp thành phố là 1,292 tỷ đồng; cấp quận huyện khoảng 1,727 tỷ đồng).

5. Về quy định áp dụng mức thu học phí trong trường hợp học trực tuyến (online) đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Quy định của Trung ương

Tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “*Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành*”.

b) Nguyên tắc xác định mức thu

Kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (online) năm học 2022-2023 bằng 75% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục đã được ban hành và được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

c) Đề xuất cụ thể: (chi tiết theo phụ biểu số 04 kèm theo)

6. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm

non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) năm học 2022-2023 trong trường hợp học trực tiếp, trực tuyến (online)

a) Quy định của Trung ương

Tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về lộ trình tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, quy định: “*Căn cứ chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu được chủ động thực hiện lộ trình tính đủ chi phí vào giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tương xứng với chất lượng giáo dục, đào tạo; đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, quy định: “*Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này*”;

Tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “*Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí*”.

Tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “*Ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao, căn cứ chính sách phát triển giáo dục của nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo nguyên tắc mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*”.

b) Nguyên tắc xác định mức thu theo hình thức học trực tiếp

- Đối với mức thu học phí của cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và

Đào tạo quy định¹: Mức thu học phí bằng mức thu do các đơn vị tự xác định trên cơ sở chi phí của ba năm liền kề.

- Đối với mức thu học phí của cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở địa bàn có khả năng xã hội hoá cao (chưa đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định)²: Mức thu học phí đề xuất của các đơn vị được xác định trên cơ sở chi phí của ba năm liền kề, bằng mức thu học phí năm học 2021-2022.

- Đối với mức thu học phí của cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở địa bàn không có khả năng xã hội hóa cao (chưa đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định)³: Mức thu đề xuất của đơn vị được xác định trên cơ sở chi phí của ba năm liền kề⁴, theo nguyên tắc mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục.

c) Nguyên tắc xác định mức thu theo hình thức học trực tuyến (online)

Thực hiện theo nguyên tắc như đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên đã nêu ở trên (tại khoản 5 mục III).

d) Đề xuất cụ thể: *(chi tiết theo phụ biểu số 05 kèm theo)*

7. Quy định thời gian áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng

a) Quy định của Trung ương

Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “*Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự việc bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học. Mức thu học phí đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học và chi phí phát sinh cần thiết để tổ chức dạy học nhưng không vượt quá tổng thu học phí tính theo số tháng tối đa của 01 năm học (tối đa 9 tháng/năm đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và tối đa 10 tháng/năm đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục*

¹ Gồm 03 đơn vị: Trường Trung học phổ thông Khoa học giáo dục; Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn; Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu;

² Gồm 03 đơn vị: Trường Mầm non Linh Đàm (quận Hoàng Mai); Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thực nghiệm Khoa học giáo dục; Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành;

³ Gồm 01 đơn vị: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long (huyện Thường Tín).

⁴ Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: “*Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề*”.

nghe nghiệp) và công khai từ đầu năm học trong các cơ sở giáo dục. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định cụ thể thời gian thu, mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định thời gian thu, mức học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự việc bất khả kháng.”.

b) Đề xuất cụ thể:

Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự việc bất khả kháng:

- Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến (online): Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông áp dụng mức thu học phí của tháng đó theo mức thu đã được quy định tương ứng theo hình thức học và vùng của cấp học.

- Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến, việc áp dụng mức thu học phí được quy định cụ thể như sau: Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại đơn vị để thực hiện áp dụng mức thu học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập thực tế theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập thực tế theo hình thức học trực tuyến (online) từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức học phí tương ứng đã được quy định đối với vùng của cấp học.

- Tổng thời gian thu học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) phải đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí trong năm không vượt quá 9 tháng/năm.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Phó Chủ tịch TT Lê Hồng Sơn;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXH, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn



Phụ biểu số 01

**Tổng hợp mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn
do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định**

(Kèm theo Tờ trình số 117/TTr- UBND ngày 20/...6.../2022 của UBND Thành phố)

STT	Tên đơn vị	Địa bàn/cấp trên quản lý trực tiếp	Đạt (chưa đạt) kiểm định chất lượng	Cấp độ đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận chất lượng giáo dục
1	Trường Mầm non Linh Đàm	Quận Hoàng Mai - Trực thuộc UBND quận Hoàng Mai	Chưa đạt		
2	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thực nghiệm Khoa học giáo dục	Quận Ba Đình - Trực thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	Chưa đạt		
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long	Huyện Thường Tín - Trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Chưa đạt		
4	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành	Quận Cầu Giấy - Trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Chưa đạt		
5	Trường Trung học phổ thông Khoa học giáo dục	Quận Bắc Từ Liêm - Trực thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội	Đã đạt	Cấp độ 2	Từ ngày 17/01/2022 đến ngày 17/12/2027
6	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	Quận Nam Từ Liêm - Trực thuộc Học viện Khoa học quân sự Bộ quốc phòng	Đã đạt	Cấp độ 3	Từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/12/2023
7	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	Quận Đống Đa - Trực thuộc Sở Giáo và Đào tạo	Đã đạt	Cấp độ 2	Từ ngày 29/12/2016 đến ngày 29/12/2021

Phụ biểu số 02

Tổng hợp mức thu học phí năm học 2021-2022 của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

(Kèm theo Tờ trình số...~~177~~.../TTTr- UBND ngày 20/...6.../2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2021-2022
1	Trường Mầm non Linh Đàm (quận Hoàng Mai)	
1.1	Nhà trẻ	2.500.000
1.2	Mẫu giáo	2.200.000
1.3	Nhà trẻ ứng dụng phương pháp tiên tiến	3.140.000
1.4	Mẫu giáo ứng dụng phương pháp tiên tiến	2.840.000
2	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thực nghiệm Khoa học giáo dục	
2.1	Khối lớp 1, 2	2.400.000
2.2	Khối lớp 3	1.430.000
2.3	Khối lớp 4, 5	770.000
2.4	Khối lớp 6, 7, 8	1.970.000
2.5	Khối lớp 9	1.910.000
2.6	Khối lớp 10, 11, 12	2.300.000
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long (huyện Thường Tín)	0
3.1	Cấp tiểu học	0
3.2	Cấp Trung học cơ sở	155.000
4	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành	0
4.1	Cấp Trung học cơ sở	2.150.000
4.2	Cấp Trung học phổ thông	2.400.000
5	Trường Trung học phổ thông Khoa học giáo dục	
	Cấp Trung học phổ thông	3.200.000
6	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	
6.1	Khối lớp 10	2.100.000
6.2	Khối lớp 11,12	2.300.000
7	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	
7.1	Khối lớp 10	1.300.000
7.2	Khối lớp 11	1.350.000
7.3	Khối lớp 12	1.500.000

Phụ biểu số 03

**Mức thu học phí năm học 2021-2022 và dự kiến năm học 2022-2023
đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm
chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao),
các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác
thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Tờ trình số...~~177~~.../TTr- UBND ngày 29.../...6...../2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

TT	Vùng/cấp học	Mức thu học phí năm học 2021 -2022	Mức thu học phí năm học 2022 -2023
I	VÙNG 1 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc các quận và các phường trên địa bàn thị xã Sơn Tây)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em 05 tuổi)	217.000	300.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		83.000
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		38,25
2	Mầm non (trẻ em 05 tuổi)	155.000	300.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		145.000
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		93,55
3	Tiểu học	155.000	300.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		145.000
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		93,55
4	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	155.000	300.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		145.000
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		93,55
5	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	217.000	300.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		83.000
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		38,25
II	VÙNG 2 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em 05 tuổi)	217.000	217.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		0
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		0,00
2	Mầm non (trẻ em 05 tuổi)	155.000	155.000
	Số tiền tăng so với năm trước liền kề		0
	Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		0,00

TT	Vùng/cấp học	Mức thu học phí năm học 2021 -2022	Mức thu học phí năm học 2022 -2023
3	Tiểu học	155.000	155.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		0
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		0,00
4	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	155.000	155.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		0
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		0,00
5	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	217.000	217.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		0
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		0,00
III	VÙNG 3 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã thuộc thị xã Sơn Tây và các xã thuộc huyện, trừ các xã miền núi)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em 05 tuổi)	95.000	100.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		5.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		5,26
2	Mầm non (trẻ em 05 tuổi)	75.000	100.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		25.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		33,33
3	Tiểu học	75.000	100.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		25.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		33,33
4	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	75.000	100.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		25.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		33,33
5	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	95.000	200.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		105.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		110,53

TT	Vùng/cấp học	Mức thu học phí năm học 2021 -2022	Mức thu học phí năm học 2022 -2023
IV	VÙNG 4 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi thuộc các huyện)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em 05 tuổi)	24.000	50.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		26.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		108,33
2	Mầm non (trẻ em 05 tuổi)	19.000	50.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		31.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		163,16
3	Tiểu học	19.000	50.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		31.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		163,16
4	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	19.000	50.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		31.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		163,16
5	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	24.000	100.000
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		76.000
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>		316,67

Phụ biểu số 04

Mức thu học phí năm học 2022-2023 trong trường hợp học trực tuyến (online) đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Tờ trình số...~~177~~.../TTr-UBND ngày ~~20~~.../...~~6~~.../2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Vùng/cấp học	Mức thu học phí năm học 2022 -2023
I	VÙNG 1 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc các quận và các phường trên địa bàn thị xã Sơn Tây)	
1	Tiểu học	225.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	225.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	225.000
II	VÙNG 2 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện)	
1	Tiểu học	116.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	116.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	163.000
III	VÙNG 3 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã thuộc thị xã Sơn Tây và các xã thuộc huyện)	
1	Tiểu học	75.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	75.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	150.000
IV	VÙNG 4 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi thuộc các huyện)	
1	Tiểu học	38.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	38.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác)	75.000

Phụ biểu số 05

Mức thu học phí năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

(Kèm theo Tờ trình số ~~477~~/TTr- UBND ngày 20/...6...../2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2022-2023		
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến	Ghi chú
1	Trường Mầm non Linh Đàm (quận Hoàng Mai)			
1.1	Nhà trẻ	2.500.000		Giữ nguyên như năm học trước
1.2	Mẫu giáo	2.200.000		
1.3	Nhà trẻ ứng dụng phương pháp tiên tiến	3.140.000		
1.4	Mẫu giáo ứng dụng phương pháp tiên tiến	2.840.000		
2	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thực nghiệm Khoa học giáo dục			
2.1	Khối lớp 1, 2, 3	2.400.000	1.800.000	Giữ nguyên như năm học trước
2.2	Khối lớp 4	1.430.000	1.073.000	
2.3	Khối lớp 5	770.000	578.000	
2.4	Khối lớp 6, 7, 8	1.970.000	1.478.000	
2.5	Khối lớp 9	1.910.000	1.433.000	
2.6	Khối lớp 10, 11, 12	2.300.000	1.725.000	
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long (huyện Thường Tín)			
3.1	Cấp tiểu học	1.080.000	810.000	Tăng so năm học trước
3.2	Cấp Trung học cơ sở	1.300.000	975.000	
4	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành			
4.1	Cấp Trung học cơ sở	2.150.000	1.613.000	Giữ nguyên như năm học trước
4.2	Cấp Trung học phổ thông	2.400.000	1.800.000	
5	Trường Trung học phổ thông Khoa học giáo dục			
5.1	Cấp Trung học phổ thông	3.200.000	2.400.000	Giữ nguyên như năm học trước
6	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn			
6.1	Khối lớp 10	2.100.000	1.575.000	Giữ nguyên như năm học trước
6.2	Khối lớp 11	2.300.000	1.725.000	
6.3	Khối lớp 12	2.300.000	1.725.000	
7	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu			
7.1	Khối lớp 10, 11	1.550.000	1.163.000	Tăng so năm học trước
7.2	Khối lớp 12	1.700.000	1.275.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ**

(Từ ngày/2022 đến ngày/2022)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày .../.../2022 của UBND Thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác

thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

2. Đối tượng áp dụng

- Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Điều 2. Quy định theo vùng để áp dụng mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Vùng 1: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thuộc các quận và các phường trên địa bàn thị xã Sơn Tây của thành phố Hà Nội (*thuộc vùng thành thị theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

b) Vùng 2: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện của thành phố Hà Nội (*thuộc vùng nông thôn theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

c) Vùng 3: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn các xã thuộc thị xã Sơn Tây và các xã thuộc huyện của thành phố Hà Nội (trừ các xã miền núi) (*thuộc vùng nông thôn theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

d) Vùng 4: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn các xã miền núi thuộc các

huyện của thành phố Hà Nội (*thuộc vùng miền núi theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*).

Điều 3. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

(Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo)

2. Quy định mức thu học phí trong trường hợp học trực tuyến (online) đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo)

3. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập; không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trong trường hợp học trực tiếp, trực tuyến (online)

(Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo)

4. Quy định thời gian áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng

a) Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến (online): Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông áp dụng mức thu học phí của tháng đó theo mức thu đã được quy định tương ứng theo hình thức học và vùng của cấp học.

b) Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến (online), việc áp dụng mức thu học phí được quy định cụ thể như sau: Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại đơn vị để thực hiện áp dụng mức thu học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập thực tế theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập thực tế theo hình thức học trực tuyến (online) từ 14

ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức học phí tương ứng đã được quy định đối với vùng của cấp học.

c) Tổng thời gian thu học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) phải đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí trong năm không vượt quá 9 tháng/năm.

Điều 4: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí năm học 2022-2023 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, không để xảy ra việc lạm thu và tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Năm học 2022-2023

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng...năm 2022, có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP,
CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN CÔNG LẬP, CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CHƯA TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN
(KHÔNG BAO GỒM CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO)
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

TT	Vùng/cấp học	Mức thu học phí
I	VÙNG 1 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc các quận và các phường trên địa bàn thị xã Sơn Tây)	
1	Mầm non	300.000
2	Tiểu học	300.000
3	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	300.000
4	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	300.000
II	VÙNG 2 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện)	
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em 05 tuổi)	217.000
2	Mầm non (trẻ em 05 tuổi)	155.000
3	Tiểu học	155.000
4	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	155.000
5	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	217.000
III	VÙNG 3 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã thuộc thị xã Sơn Tây và các xã thuộc huyện, trừ các xã miền núi)	
1	Mầm non	100.000
2	Tiểu học	100.000
3	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	100.000
4	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	200.000
IV	VÙNG 4 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi thuộc các huyện)	
1	Mầm non	50.000
2	Tiểu học	50.000
3	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	50.000
4	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	100.000

Quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập dùng làm căn cứ để thực hiện mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

Phụ lục 02

**MỨC THU HỌC PHÍ TRONG TRƯỜNG HỢP HỌC TRỰC TUYẾN (ONLINE) ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN CÔNG LẬP VÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CHƯA TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN
(KHÔNG BAO GỒM CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO)
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

TT	Vùng/cấp học	Mức thu học phí
I	VÙNG 1 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc các quận và các phường trên địa bàn thị xã Sơn Tây)	
1	Tiểu học	225.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	225.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	225.000
II	VÙNG 2 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện)	
1	Tiểu học	116.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	116.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	163.000
III	VÙNG 3 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã thuộc thị xã Sơn Tây và các xã thuộc huyện, trừ các xã miền núi)	
1	Tiểu học	75.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	75.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	150.000
IV	VÙNG 4 (cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi thuộc các huyện)	
1	Tiểu học	38.000
2	Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	38.000
3	Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên)	75.000

Quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập dùng làm căn cứ để thực hiện mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN (GỒM CẢ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
DO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, VIỆN NGHIÊN CỨU THÀNH LẬP; KHÔNG BAO GỒM
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí	
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến
1	Trường Mầm non Linh Đàm (quận Hoàng Mai)		
1.1	Nhà trẻ	2.500.000	
1.2	Mẫu giáo	2.200.000	
1.3	Nhà trẻ ứng dụng phương pháp tiên tiến	3.140.000	2.355.000
1.4	Mẫu giáo ứng dụng phương pháp tiên tiến	2.840.000	2.130.000
2	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thực nghiệm Khoa học giáo dục		
2.1	Khối lớp 1, 2, 3	2.400.000	1.800.000
2.2	Khối lớp 4	1.430.000	1.073.000
2.3	Khối lớp 5	770.000	578.000
2.4	Khối lớp 6, 7, 8	1.970.000	1.478.000
2.5	Khối lớp 9	1.910.000	1.433.000
2.6	Khối lớp 10, 11, 12	2.300.000	1.725.000
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long (huyện Thường Tín)		
3.1	Cấp tiểu học	1.080.000	810.000
3.2	Cấp Trung học cơ sở	1.300.000	975.000
4	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành		
4.1	Cấp Trung học cơ sở	2.150.000	1.613.000
4.2	Cấp Trung học phổ thông	2.400.000	1.800.000
5	Trường Trung học phổ thông Khoa học giáo dục		
5.1	Cấp Trung học phổ thông	3.200.000	2.400.000
6	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn		
6.1	Khối lớp 10	2.100.000	1.575.000
6.2	Khối lớp 11	2.300.000	1.725.000
6.3	Khối lớp 12	2.300.000	1.725.000
7	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu		
7.1	Khối lớp 10, 11	1.550.000	1.163.000
7.2	Khối lớp 12	1.700.000	1.275.000